TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: **106**/2025/KDTM-PT
Ngày: 28/4/2025
V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Phùng Thị Như Mai
Các Thẩm phán: Bà Ngô Thị Phúc Hảo
Bà Đỗ Thanh Hương

- Thư ký phiên tòa: Bà Phan Thị Thu Hiền – Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Vũ Thị Minh - Kiểm sát viên.

Trong ngày 28 tháng 4 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số: 87/2025/TLPT-KDTM ngày 27 tháng 02 năm 2025 về: "Tranh chấp hợp đồng tín dụng"

Do Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 283/2024/KDTM-ST ngày 27/9/2024 của Tòa án nhân dân Quận A bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 1609/2025/QĐ-PT ngày 28 tháng 3 năm 2025 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ngân hàng TMCP V;

Trụ sở: 89 đường L, phường L, quận Đ, Thành phố Hà Nội;

Đại diện hợp pháp: Ông Chu Hồng Dhoặc ông Võ Thanh T

Cùng địa chỉ liên lạc: Tầng 1, Tòa nhà ACM, số 96 đường C, Phường D, Quận E, Thành phố Hồ Chí Minh (theo Văn bản ủy quyền số 9765/2024/UQ-PGĐ ngày 30/8/2024)

- *Bị đơn:* Công ty Cổ phần Kỹ Thuật B

Địa chỉ: Tầng 19 Khu văn phòng, Toà nhà I, số 04 đường N, phường K, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh;

Người đại diện theo pháp luật: Bà Diệp Ánh T, sinh năm 1986;

Hộ khẩu: 107 đường đ, Phường K, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh.

Địa chỉ liên lạc: LC 09.13 Chung cư L, số 67 đường M, phường P, Thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh;

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Ông Phạm Nhật T, sinh năm 1981;

Địa chỉ: LC 09.13 Chung cư L, số 67 đường M, phường P, Thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh;

Ông Chu Hồng D có mặt, các đương sự khác vắng mặt. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa nhưng có đơn xin vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Bản án sơ thẩm đã thể hiện:

Theo Đơn khởi kiện; Bản tự khai; trong quá trình chuẩn bị xét xử, người đại diện theo ủy quyền của Nguyên đơn là Ngân hàng TMCP V trình bày:

Công ty Cổ phần Kỹ thuật B đã vay vốn tại Ngân hàng TMCP V (sau đây gọi tắt là Ngân hàng) theo các Hợp đồng tín dụng sau:

Hợp đồng cho vay hạn mức số: BEN/21160 ký ngày 23/11/2021, hạn mức cho vay là: 3.000.000.000 đồng (Bằng chữ: Ba tỷ đồng), thời hạn duy trì hạn mức tín dụng: 12 tháng, mục đích sử dụng vốn vay: Bổ sung vốn kinh doanh cho hoạt động bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác, chi tiết: bán buôn máy móc, thiết bị điện, vật liệu điện (máy phát điện, động cơ điện, dây điện và thiết bị khác dùng trong mạch điện).

Ngân hàng đã giải ngân số tiền vay tại Hợp đồng cho vay hạn mức số: BEN/21160 ký ngày 23/11/2021 theo các Khế ước nhận nợ sau:

Khế ước nhận nợ số: 230822-1224528-ONL-12 ký ngày 23/08/2022 (Mã hợp đồng: LD2223500627), số tiền nhận nợ là 439.000.000 đồng (Bằng chữ: Bốn trăm ba mươi chín triệu đồng), thời hạn cho vay là 12 tháng, lãi suất cho vay trong hạn tại thời điểm giải ngân là 17.30%/năm, lãi suất cho vay trong hạn sẽ được cố định trong vòng 01 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên, lãi suất cho vay sẽ được điều chỉnh định kỳ 01 tháng/01 lần theo mức điều chỉnh lãi suất quy định của Ngân hàng từng thời kỳ. Ngày quá hạn: 23/08/2023.

Khế ước nhận nợ số: 230922-1224528-ONL-13 ký ngày 23/09/2022 (Mã hợp đồng: LD2226601882), số tiền nhận nợ là 408.000.000 đồng (Bằng chữ: Bốn trăm lẻ tám triệu đồng), thời hạn cho vay là 12 tháng, lãi suất cho vay trong hạn tại thời điểm giải ngân là 17,90%/năm, lãi suất cho vay trong hạn sẽ được cố định trong vòng 01 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên, lãi suất cho vay sẽ được điều chỉnh định kỳ 01 tháng/01 lần theo mức điều chỉnh lãi suất quy định của Ngân hàng từng thời kỳ. Ngày quá hạn: 23/08/2023.

Khế ước nhận nợ số: 270922-1224528-ONL-16 ký ngày 28/09/2022 (Mã hợp đồng: LD2227100865), số tiền nhận nợ là 123.988.294 đồng (Bằng chữ: Một trăm hai mươi ba triệu chín trăm tám mươi tám nghìn hai trăm chín mươi bốn đồng), thời hạn cho vay là 12 tháng, lãi suất cho vay trong hạn tại thời điểm giải ngân là 17,90%/năm, lãi suất cho vay trong hạn sẽ được cố định trong vòng 01 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên, lãi suất cho vay sẽ được điều chỉnh định kỳ 01 tháng/01 lần theo mức điều chỉnh lãi suất quy định của Ngân hàng từng thời kỳ. Ngày quá hạn: 28/08/2023.

Khế ước nhận nợ số: 271022-1224528-ONL-17 ký ngày 27/10/2022 (Mã hợp đồng: LD2230001375), số tiền nhận nợ là 523.360.164 đồng (Bằng chữ: Năm trăm hai mươi ba triệu ba trăm sáu mươi nghìn một trăm sáu mươi bốn đồng), thời hạn cho vay là 12 tháng, lãi suất cho vay trong hạn tại thời điểm giải ngân là 20,00%/năm, lãi suất cho vay trong hạn sẽ được cố định trong vòng 01 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên, lãi suất cho vay sẽ được điều chỉnh định kỳ 01 tháng/01 lần theo mức điều chỉnh lãi suất quy định của Ngân hàng từng thời kỳ. Ngày quá hạn: 28/08/2023.

Khế ước nhận nợ số: 211122-1224528-ONL-18 ký ngày 21/11/2022 (Mã hợp đồng: LD2232502494), số tiền nhận nợ là 560.000.000 đồng (Bằng chữ: Năm trăm sáu mươi triệu đồng), thời hạn cho vay là 12 tháng, lãi suất cho vay trong hạn tại thời điểm giải ngân là 20,30%/năm, lãi suất cho vay trong hạn sẽ được cố định trong vòng 01 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên, lãi suất cho vay sẽ được điều chỉnh định kỳ 01 tháng/01 lần theo mức điều chỉnh lãi suất quy định của Ngân hàng từng thời kỳ. Ngày quá hạn: 21/08/2023.

Toàn bộ nghĩa vụ phát sinh từ các Hợp đồng tín dụng nêu trên được bảo đảm bằng tất cả tài sản cá nhân của ông Phạm Nhật T qua Hợp đồng bảo lãnh với nội dung ông Phạm Nhật T đồng ý bảo lãnh bằng toàn bộ tài sản, vô điều kiện và không hủy ngang cho bên được bảo lãnh là Công ty Cổ phần Kỹ thuật B trong việc thực hiện toàn bộ nghĩa vụ phát sinh từ các Hợp đồng tín dụng nêu trên giữa Ngân hàng TMCP V và Công ty Cổ phần Kỹ thuật B theo Hợp đồng bảo lãnh số: BEN/21160/HDBL ngày 23/11/2021.

Tạm tính đến ngày 27/9/2024 Công ty Cổ phần Kỹ thuật B đã thanh toán:

Khế ước nhận nợ số: 230822-1224528-ONL-12 ký ngày 23/08/2022 (Mã hợp đồng: LD2223500627): Gốc: 402.416.663 đồng, lãi: 45.360.902 đồng. Tổng cộng: 447.777.565 đồng.

Khế ước nhận nợ số: 230922-1224528-ONL-13 ký ngày 23/09/2022 (Mã hợp đồng: LD2226601882): Gốc: 340.000.000 đồng, lãi: 41.936.489 đồng. Tổng cộng: 381.936.489 đồng.

Khế ước nhận nợ số: 270922-1224528-ONL-16 ký ngày 28/09/2022 (Mã hợp đồng: LD2227100865): Gốc: 103.323.570 đồng, lãi: 12.557.241 đồng. Tổng cộng: 115.880.811 đồng.

Khế ước nhận nợ số: 271022-1224528-ONL-17 ký ngày 27/10/2022 (Mã hợp đồng: LD2230001375): Gốc: 392.520.123 đồng, lãi: 55.778.228 đồng. Tổng cộng: 448.298.351 đồng.

Khế ước nhận nợ số: 211122-1224528-ONL-18 ký ngày 21/11/2022 (Mã hợp đồng: LD2232502494): Gốc: 373.335.111 đồng, lãi: 55.635.009 đồng. Tổng cộng: 428.970.120 đồng.

Tạm tính đến ngày 27/9/2024 Công ty Cổ phần Kỹ thuật B còn nợ tổng cộng là 587.277.447 đồng, gồm:

Khế ước nhận nợ số: 230822-1224528-ONL-12 ký ngày 23/08/2022 (Mã

hợp đồng: LD2223500627): Gốc phải trả: 36.583.337 đồng, Lãi trong hạn: 345.854 đồng, Lãi quá hạn: 11.422.722 đồng, Lãi chậm trả: 38.091 đồng. Tổng cộng: 48.390.004 đồng;

Khế ước nhận nợ số: 271022-1224528-ONL-17 ký ngày 27/10/2022 (Mã hợp đồng: LD2230001375): Gốc phải trả: 130.840.041 đồng, Lãi trong hạn: 2.254.323 đồng, Lãi quá hạn: 41.493.141 đồng, Lãi chậm trả: 245.196 đồng. Tổng cộng: 174.832.701 đồng;

Khế ước nhận nợ số: 211122-1224528-ONL-18 ký ngày 21/11/2022 (Mã hợp đồng: LD2232502494): Gốc phải trả: 186.664.725 đồng, Lãi trong hạn: 2.942.303 đồng, Lãi quá hạn: 57.111.470 đồng, Lãi chậm trả: 325.669 đồng. Tổng cộng: 247.044.167 đồng;

Khế ước nhận nợ số: 230922-1224528-ONL-13 ký ngày 23/09/2022 (Mã hợp đồng: LD2226601882): Gốc phải trả: 68.000.000 đồng, Lãi trong hạn: 830.947 đồng, Lãi quá hạn: 20.895.189 đồng, Lãi chậm trả: 91.518 đồng. Tổng cộng: 89.817.654 đồng;

Khế ước nhận nợ số: 270922-1224528-ONL-16 ký ngày 28/09/2022 (Mã hợp đồng: LD2227100865): Gốc phải trả: 20.664.724 đồng, Lãi trong hạn: 323.258 đồng, Lãi quá hạn: 6.169.779 đồng, Lãi chậm trả: 35.160 đồng. Tổng cộng: 27.192.921 đồng.

Theo Điều 2 Hợp đồng cho vay hạn mức số: BEN/21160 ký ngày 23/11/2021 quy định về Lãi suất, Phí và các chi phí khác như sau:

- Lãi suất cho vay trong hạn và cơ chế điều chỉnh lãi suất: Được Bên Ngân hàng và Khách hàng thoả thuận theo cung cầu vốn thị trường, nhu cầu vay vốn và mức độ tín nhiệm của Khách hàng và được quy định cụ thể trong (các) Khế ước nhận nợ và/hoặc các văn bản liên quan ký kết giữa Khách hàng và Bên Ngân hàng.

- Lãi suất cho vay áp dụng đối với dư nợ gốc quá hạn (lãi suất quá hạn): Bằng 150% mức lãi suất cho vay trong hạn áp dụng tại thời điểm chuyển nợ quá hạn.

- Lãi suất chậm trả áp dụng đối với tiền lãi chậm trả: Bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn áp dụng tại thời điểm chậm trả lãi nhưng tối đa không quá 10%/năm tính trên số dư lãi chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả.

- Phương pháp tính lãi đối với tiền lãi cho vay trong hạn, tiền lãi quá hạn đối với dư nợ gốc, tiền lãi đối với lãi chậm trả:

+ Thời hạn tính lãi và thời điểm xác định số dư để tính lãi: Thời hạn tính lãi được xác định từ ngày Bên Ngân hàng giải ngân vốn vay đến hết ngày liền kề trước ngày Khách hàng thực tế thanh toán hết toàn bộ dư nợ cho Bên Ngân hàng. Thời điểm xác định số dư để tính lãi là cuối mỗi ngày trong thời hạn tính lãi.

+ Tiền lãi được tính trên cơ sở một năm là 365 ngày. Số tiền lãi Khách hàng phải trả mỗi kỳ được tính theo công thức bằng (=) ∑ (Số dư thực tế nhân

(x) Số ngày duy trì số dư thực tế nhân (x) Lãi suất tính lãi) chia (/) 365, trong đó:

+ Số dư thực tế: Là số dư cuối ngày tính lãi của số dư nợ gốc trong hạn, số dư nợ gốc quá hạn, số dư lãi chậm trả thực tế mà Khách hàng còn phải trả cho Bên Ngân hàng được sử dụng để tính lãi theo thoả thuận tại Hợp Đồng này, Điều kiện giao dịch chung và quy định của pháp luật.

+ Số ngày duy trì số dư thực tế: là số ngày mà số dư thực tế cuối mỗi ngày không thay đổi.

+ Lãi suất tính lãi: Là mức lãi suất cho vay trong hạn, lãi suất cơ cấu lại thời hạn trả nợ, lãi suất quá hạn đối với dư nợ gốc, lãi suất chậm trả áp dụng với tiền lãi chậm trả như được Các Bên thoả thuận tại Hợp Đồng này, Điều kiện giao dịch chung, (các) Khế ước nhận nợ và các văn bản liên quan. Lãi suất tính lãi được tính theo tỷ lệ % theo năm với một năm là 365 ngày.

Trong quá trình sử dụng vốn vay, Công ty Cổ phần Kỹ thuật B đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán tại Hợp đồng tín dụng nêu trên mặc dù Ngân hàng nhiều lần làm việc với đại diện Công ty và các bên bảo lãnh để yêu cầu thanh toán. Vì vậy, Ngân hàng đã thực hiện việc khởi kiện ra Tòa án để yêu cầu:

1. Công ty Cổ phần Kỹ thuật B phải trả ngay một lần cho Ngân hàng tổng số nợ còn thiếu tạm tính đến ngày 27/9/2024 là:

Nợ gốc	:	442.752.827 đồng
Nợ lãi trong hạn	:	6.696.685 đồng
Nợ lãi quá hạn	:	137.092.301 đồng
Nợ lãi chậm trả	:	735.634 đồng
Tổng cộng	:	587.277.447 đồng (Bằng chữ: Năm trăm tám mươi bảy triệu hai trăm bảy mươi bảy nghìn bốn trăm bốn mươi bảy đồng)

2. Ngoài ra Công ty Cổ phần Kỹ thuật B vẫn phải tiếp tục chịu lãi phát sinh theo các Hợp đồng tín dụng đã ký cho tới khi thanh toán xong toàn bộ số nợ cho Ngân hàng.

3. Trường hợp Công ty Cổ phần Kỹ thuật B không thanh toán hoặc thanh toán không đầy đủ theo yêu cầu nêu trên thì ông Phạm Nhật T có trách nhiệm thanh toán toàn bộ khoản nợ nêu trên theo Hợp đồng bảo lãnh đã ký.

Trong quá trình giải quyết vụ án, đại diện theo pháp luật của Bị đơn là bà Diệp Anh T trình bày:

Công ty B xác nhận có vay vốn tại Ngân hàng theo Hợp đồng tín dụng số BEN/21160 ngày 23/11/2021, hạn mức vay: 3.000.000.000 đồng. Trong quá trình vay đã thanh toán gần hết, còn lại (tạm tính đến 31/5/2024) nợ gốc: 442.753.660 đồng, lãi chậm trả 523.223 đồng, lãi trong hạn 6.696.684 đồng, nợ lãi quá hạn 96.374.817 đồng. Tổng cộng là 546.348.384 đồng. Công ty B đồng ý phương thức và số tiền lãi của Ngân hàng đưa ra, không có ý kiến gì. Công ty xin Ngân hàng hỗ trợ giảm lãi.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan – ông Phạm Nhật T trong quá trình chuẩn bị xét xử cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, ông Phạm Nhật T đã được Tòa án thông báo về việc thụ lý vụ án và triệu tập tham gia tố tụng, tham gia phiên toà hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do, không vì sự kiện bất khả kháng trở ngại khách quan.

Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 283/2024/KDTM-ST ngày 27/9/2024 của Tòa án nhân dân Quận A đã tuyên như sau:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng TMCP V:

Buộc Công ty Cổ phần Kỹ Thuật B thanh toán cho Ngân hàng TMCP V tiền nợ của Hợp đồng cho vay hạn mức số BEN/21160 ký ngày 23/11/2021, tạm tính đến ngày 27/9/2024 là 587.277.447 (Năm trăm tám mươi bảy triệu hai trăm bảy mươi bảy nghìn bốn trăm bốn mươi bảy) đồng, ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật, chi tiết với từng khế ước nhận nợ như sau:

Khế ước nhận nợ số: 230822-1224528-ONL-12 ký ngày 23/08/2022: Nợ gốc: 36.583.337 đồng, Lãi trong hạn: 345.854 đồng, Lãi quá hạn: 11.422.722 đồng, Lãi chậm trả: 38.091 đồng, Tổng cộng: 48.390.004 đồng; Khế ước nhận nợ số: 271022-1224528-ONL-17 ký ngày 27/10/2022: Nợ gốc: 130.840.041 đồng, Lãi trong hạn: 2.254.323 đồng, Lãi quá hạn: 41.493.141 đồng, Lãi chậm trả: 245.196 đồng, Tổng cộng: 174.832.701 đồng; Khế ước nhận nợ số: 211122-1224528-ONL-18 ký ngày 21/11/2022: Nợ gốc: 186.664.725 đồng, Lãi trong hạn: 2.942.303 đồng, Lãi quá hạn: 57.111.470 đồng, Lãi chậm trả: 325.669 đồng, Tổng cộng: 247.044.167 đồng; Khế ước nhận nợ số: 230922-1224528-ONL-13 ký ngày 23/09/2022: Nợ gốc: 68.000.000 đồng, Lãi trong hạn: 830.947 đồng, Lãi quá hạn: 20.895.189 đồng, Lãi chậm trả: 91.518 đồng, Tổng cộng: 89.817.654 đồng; Khế ước nhận nợ số: 270922-1224528-ONL-16 ký ngày 28/09/2022: Nợ gốc: 20.664.724 đồng, Lãi trong hạn: 323.258 đồng, Lãi quá hạn: 6.169.779 đồng, Lãi chậm trả: 35.160 đồng, Tổng cộng: 27.192.921 đồng.

Kể từ ngày 28/9/2024, Công ty Cổ phần Kỹ Thuật B còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận theo các thỏa thuận tại Hợp đồng cho vay hạn mức số BEN/21160 ký ngày 23/11/2021 và các khế ước nhận nợ ký giữa Ngân hàng TMCP V với Công ty Cổ phần Kỹ Thuật B cho đến khi thanh toán xong khoản tiền nợ trên.

Trường hợp, Công ty Cổ phần Kỹ Thuật B không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ đối với toàn bộ số tiền nợ thì Ngân hàng TMCP V có quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền buộc ông Phạm Nhật T phải thực hiện toàn bộ nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng TMCP V theo Hợp đồng bảo lãnh số BEN/21160/HDBL ngày 23/11/2021 ký giữa Ngân hàng TMCP V và ông Phạm Nhật T.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 08/10/2024, bị đơn là Công ty Cổ phần Kỹ thuật B kháng cáo toàn bộ bản án do Tòa án cấp sơ thẩm đã vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng.

Tại phiên tòa phúc thẩm: người kháng cáo vắng mặt nhưng có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến:

Qua kiểm sát vụ án từ khi thụ lý vụ án đến thời điểm này thấy rằng Thẩm phán đã chấp hành đúng quy định về thẩm quyền giải quyết vụ án, Tòa án có quyết định đưa vụ án ra xét xử và gửi hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu đúng thời hạn, cấp và tống đạt các văn bản tố tụng cho người tham gia tố tụng và Viện kiểm sát theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử: Tại phiên tòa hôm nay, phiên tòa tiến hành đúng trình tự pháp luật Tố tụng dân sự.

Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Từ khi thụ lý cũng như tại phiên tòa hôm nay các đương sự đã thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của Công ty Cổ phần B, giữ nguyên Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 283/2024/KDTM-ST của Tòa án nhân dân Quận A ngày 27/9/2024.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa; nghe ý kiến của các đương sự; ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án dân sự ở giai đoạn phúc thẩm, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về hình thức và thời hạn kháng cáo: Ngày 27/9/2024, Toà án nhân dân Quận A đưa vụ án ra xét xử và ban hành Bản án số 283/2024/KDTM-ST, bị đơn vắng mặt. Ngày 08/10/2024 bị đơn kháng cáo và đơn kháng cáo là còn trong thời hạn kháng cáo theo quy định tại khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015.

[2] Về tố tụng:

Nguyên đơn là Ngân hàng TMCP V (sau đây gọi tắt là Ngân hàng V) khởi kiện đối với bị đơn Công ty Cổ phần Kỹ thuật B có trụ sở tại Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh về việc tranh chấp hợp đồng tín dụng. Do đó, căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 30, khoản 1 Điều 35; tại điểm b khoản 1 Điều 38; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015 thì Tòa án nhân dân Quận A có thẩm quyền giải quyết vụ án theo thủ tục sơ thẩm. Do có kháng cáo của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan nên Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh có thẩm quyền giải quyết vụ án theo thủ tục phúc thẩm.

[3] Về nội dung:

Bị đơn kháng cáo cho rằng Tòa án cấp sơ thẩm đã vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng về thẩm quyền giải quyết và tống đạt đối với người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là ông Phạm Nhật T, Hội đồng xét xử xét thấy như sau:

Căn cứ theo xác minh tại Công văn số 2206/A08-P3 ngày 14/6/2024 của Cục quản lý xuất nhập cảnh thì ông Phạm Nhật T đã xuất cảnh từ ngày 01/12/2023, chưa có thông tin nhập cảnh. Nhưng Công văn không cung cấp được địa chỉ của ông T. Không đương sự nào cung cấp được địa chỉ tại nước ngoài của ông T kể từ thời điểm xuất cảnh. Như vậy, căn cứ Nghị quyết 04 năm 2017, trường hợp này được xem là cố tình giấu địa chỉ. Do đó, địa chỉ của ông T sẽ được xác định theo địa chỉ cuối cùng thể hiện trong hồ sơ. Vì vậy, Tòa án nhân dân Quận A thụ lý và giải quyết vụ án là đúng quy định tại khoản 1 Điều 30, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015. Bị đơn kháng cáo cho rằng Tòa án nhân dân Quận A không có thẩm quyền giải quyết vụ án là không có căn cứ để chấp nhận.

Về thủ tục tống đạt đối với ông Phạm Nhật T:

Tòa án cấp sơ thẩm đã tiến hành niêm yết tại địa chỉ cuối cùng của ông T. Tuy nhiên, như đã phân tích, hồ sơ thể hiện ông T không có ở Việt Nam, không thực tế cư trú tại địa chỉ mà Tòa án sơ thẩm tiến hành niêm yết. Khoản 1 Điều 180 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015 quy định: "*Việc thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng được thực hiện khi pháp luật có quy định hoặc có căn cứ xác định là việc niêm yết công khai không bảo đảm cho người được cấp, tống đạt, thông báo nhận được thông tin về văn bản cần được cấp, tống đạt, thông báo.*" Như vậy, thủ tục niêm yết không bảo đảm cho ông T nhận được thông tin về văn bản cần được cấp, tống đạt, thông báo. Thủ tục thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng là thủ tục tố tụng cần được áp dụng trong quá trình giải quyết vụ án bảo đảm quyền tố tụng của đương sự theo quy định tại Điều 70 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015 mà không phụ thuộc vào ý chí, yêu cầu của các đương sự còn lại trong vụ án. Do đó, dù nguyên đơn, bị đơn có không yêu cầu tiến hành thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng thì trường hợp này Tòa án vẫn phải thực hiện thủ tục thông báo theo quy định tại khoản 1 Điều 180 như viện dẫn và phân tích nêu trên. Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện nguyên đơn trình bày sau khi được Hội đồng xét xử giải thích quy định pháp luật thì nguyên đơn đồng ý đóng chi phí thực hiện thủ tục thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng theo quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

Do đó, kháng cáo của bị đơn đối với thủ tục tống đạt cho ông Phạm Nhật T là có căn cứ để chấp nhận. Ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh là không phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử. Hủy Bản án sơ thẩm, chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

[4] Về án phí:

Do hủy Bản án sơ thẩm nên người kháng cáo không phải chịu án phí phúc thẩm. Án phí sơ thẩm sẽ được quyết định khi vụ án được giải quyết lại.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 30, khoản 1 Điều 35, điểm b khoản 1 Điều 38, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 180, khoản 3 Điều 308, khoản 6 Điều 313 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Tuyên xử:

1. Hủy Bản án Kinh doanh thương mại sơ thẩm số 283/2024/KDTM-ST ngày 27/9/2024 của Tòa án nhân dân Quận A, chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân Quận A xét xử lại theo thủ tục sơ thẩm.

2. Án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm: Hoàn trả cho bị đơn số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

3. Án phí sơ thẩm sẽ được xem xét khi xét xử lại vụ án.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TAND Tối cao;
- TAND Cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND TP.HCM;
- VKSND Cấp cao tại TP.HCM;
- TAND Quận A;
- Chi cục THADS Quận A;
- Các đương sự;
- Lưu: VP, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phùng Thị Như Mai